

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2020

“V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- ***Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Chào

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Đào Thị Kiều P, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ 3, ấp TH, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ 3, ấp TH, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn bà Đào Thị Kiều P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:***

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1991 sau thời gian tìm hiểu về tình cảm chị và ông Tiến tới hôn nhân, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cuộc sống gia đình. Ngoài ra bà nhận thấy tánh tình của hai người không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Nhiều lần bà cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không được. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Nhận thấy không thể nào hàn gắn được nữa,

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên bà cương quyết ly hôn với ông Thương.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung là Trần Thị Thúy A, sinh ngày 10/5/1992 và Trần Thị Thúy D, sinh ngày 19/10/1997 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bà Đào Thị Kiều P yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T sinh sống tại Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông vắng mặt không có lý do và bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thương, bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung giải quyết vụ án:**

##### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà P và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong thời gian chung sống, bà P trình bày thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau do bất đồng quan điểm, hay cự cãi nay ông bà đã ly thân từ tháng 8/2018, tình cảm không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn. Ông Tuy đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải và phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

Do ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Đào Thị Kiều P.

##### **[2.2] Về quan hệ con chung:**

Ông T và bà P có 02 con chung là Trần Thị Thúy A, sinh ngày 10/5/1992 và Trần Thị Thúy D, sinh ngày 19/10/1997. Hiện cháu An và cháu Duy đã đủ 18

tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên sau khi bản án được ban hành nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Kiều P.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị Kiều P và ông Trần Văn T.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà P có 02 con chung là Trần Thị Thúy A, sinh ngày 10/5/1992 và Trần Thị Thúy D, sinh ngày 19/10/1997. Hiện cháu An và cháu Duy đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Đào Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006341 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Trần Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Đào Thị Kiều P và ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TỌA**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Cẩm Hường**